Công Ty Cổ Phần 26

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần 26
DN: C=VN, S=MST:0100108818, L=Khu Công nghiệp Sài Đồng - Phường Phúc Đồng - Quận Long Biên - Hà Nội, O=Công Ty Cổ Phần 26, OU="Ko BH,KKT", CN=Công Ty Cổ Phần 26, E=duongtam86@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-01 10:04:42

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Scanned by CamScanner

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Điều hành	2 - 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 29

****

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần 26 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 26 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty 26, Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3614/QĐ – BQP ngày 16 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động, trong đó, lần thứ 11 là ngày 08 tháng 02 năm 2018 thay đổi địa chỉ Trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 3875 1460
- Fax : 024 3875 1460

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp 26.1	Tổ 23, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 26.3	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 26.4	Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Kinh doanh các mặt hàng dệt may, các sản phẩm từ da, cao su, nhựa, kim khí, đồ gỗ, bao bì và một số sản phẩm đặc thù khác như mũ, nhà bạt, cáng võng, áo phao các loại;
- Xuất nhập khẩu sản phẩm, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty và các sản phẩm do Công ty sản xuất ra;
- Cho thuê văn phòng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Xoa	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trịnh Xuân Hiếu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Văn Phong	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Mai Văn Đông	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trường Nam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Kim Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Thị Vân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016

Scanned by CamScanner

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Xuân Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017
Ông Mai Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xoa – Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Điều hành,

Nguyễn Thị Xoa
Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Scanned by CamScanner

BAKER TILLY A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hanoi 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151 Fax: 0258. 2 465 806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0225/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN 26

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần 26 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Scanned by CamScanner

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đã nhận bàn giao và đưa vào sử dụng các tài sản thuộc dự án "Di dời tái định cư Nhà máy và Trụ sở Công ty Cổ phần 26" và đã di chuyển Nhà máy và Trụ sở làm việc từ Khu công nghiệp Sài Đồng đến địa điểm mới tại phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định được giá trị từng tài sản cố định mới tăng do chưa có báo cáo quyết toán vốn đầu tư được phê duyệt nên Công ty chưa ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này. Nếu ghi nhận tổng nguyên giá tài sản cố định mới tăng từ dự án theo giá trị dự toán Công ty đang tạm tính thì chỉ tiêu "Nguyên giá tài sản cố định" trên bảng cân đối kế toán sẽ tăng lên là 158.698.648.168 VND. Khấu hao tài sản cố định đã trích trong năm là 6.347.950.000 VND đang được phản ánh ở chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" mà không được phản ánh vào chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế"

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 26 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc	**Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1*

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Scanned by CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**398.805.109.055**	**579.858.489.277**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**193.657.778.658**	**423.083.157.288**
1. Tiền	111		107.416.137.492	317.439.757.288
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.241.641.166	105.643.400.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**25.584.112.769**	**40.170.790.863**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	24.607.342.790	35.261.646.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	663.461.458	2.202.993.670
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	622.653.981	4.966.334.538
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(309.345.460)	(2.260.183.376)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**174.146.188.337**	**110.645.170.528**
1. Hàng tồn kho	141	V.6	174.146.188.337	110.645.170.528
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.417.029.291**	**5.959.370.598**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.818.063.758	4.167.896.234
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	598.965.533	1.791.474.364
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Scanned by CamScanner

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**19.488.277.331**	**28.086.202.168**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**	**V.7**	**19.488.277.331**	**26.138.045.968**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		19.488.277.331	26.138.045.968
	Nguyên giá	*222*		*114.839.116.553*	*126.829.998.016*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(95.350.839.222)*	*(100.691.952.048)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	*228*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	**1.948.156.200**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	-	1.948.156.200
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**418.293.386.386**	**607.944.691.445**

Scanned by CamScanner

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**270.544.123.197**	**463.780.910.998**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**270.544.123.197**	**463.780.910.998**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	104.395.174.164	75.413.273.791
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	19.478.205.942	47.012.554.655
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	59.815.983	-
4. Phải trả người lao động	314		39.552.001.865	65.698.734.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	98.011.825.475	259.174.247.584
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.13	-	9.740.781.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	9.047.099.768	6.741.319.068
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Scanned by CamScanner

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**147.749.263.189**	**144.163.780.447**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.15**	**147.749.263.189**	**144.163.780.447**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		69.304.802.125	61.256.646.965
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.444.461.064	32.907.133.482
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*11.327.190.242*	*32.907.133.482*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*17.117.270.822*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**418.293.386.386**	**607.944.691.445**

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Hưng Hà	Hoàng Thị Thu Hường	Nguyễn Thị Xoa

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	616.229.514.849	582.943.413.630
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		616.229.514.849	582.943.413.630
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	559.081.247.768	519.739.611.307
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.148.267.081	63.203.802.323
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.496.922.378	7.175.296.632
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	3.543.140	13.469.185
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.587.243.746	14.280.080.060
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.935.480.435	29.049.370.848
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.118.922.138	27.036.178.862
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	457.385.454	90.909.091
12.	Chi phí khác	32		-	28.813.091
13.	Lợi nhuận khác	40		457.385.454	62.096.000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.576.307.592	27.098.274.862
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.510.880.570	5.518.331.622
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.948.156.200	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.117.270.822	21.579.943.240
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.910	3.010
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.910	3.010

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Hưng Hà	Hoàng Thị Thu Hường	Nguyễn Thị Xoa

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***22.576.307.592***	***27.098.274.862***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	9.339.020.905	6.929.055.705
- Các khoản dự phòng	03		(11.691.618.916)	(996.413.292)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(4.811.076)	(8.645.825)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(441.905.454)	(90.909.091)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***19.776.993.051***	***32.931.362.359***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.819.457.317	(10.148.468.474)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.501.017.809)	5.341.846.885
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(187.035.675.122)	56.654.135.273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(2.318.371.739)	(8.771.819.921)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	420.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.226.007.380)	(1.862.262.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(220.484.621.682)***	***74.564.793.159***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(2.428.852.268)	(11.201.547.101)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	441.905.454	90.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.986.946.814)***	***(11.110.638.010)***

Scanned by CamScanner

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.958.621.210)	(6.889.053.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(6.958.621.210)***	***(6.889.053.562)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(229.430.189.706)**	**56.565.101.587**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**423.083.157.288**	**366.518.055.701**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.811.076	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**193.657.778.658**	**423.083.157.288**

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Hưng Hà	Hoàng Thị Thu Hường	Nguyễn Thị Xoa

Scanned by CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 26 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh các mặt hàng dệt may, các sản phẩm từ da, cao su, nhựa, kim khí, đồ gỗ, bao bì và một số sản phẩm đặc thù khác như mũ, nhà bạt, cáng võng, áo phao các loại./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, Công ty đã nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Him Lam - đơn vị được ủy quyền triển khai thực hiện "Dự án di dời tái định cư Nhà máy và Trụ sở Công ty Cổ phần 26" và đưa vào sử dụng một số hạng mục của dự án và đã di chuyển Nhà máy và Trụ sở làm việc từ Khu công nghiệp Sài Đồng đến địa điểm mới tại phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do Công ty Cổ phần Him Lam chưa cung cấp báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của dự án nên Công ty chưa ghi tăng tài sản cố định của dự án này và chưa ghi giảm giá trị tài sản cố định tại địa điểm cũ – Khu công nghiệp Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp 26.1	Tổ 23, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 26.3	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 26.4	Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ	Đường Hội Xá, tổ 5, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 850 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 770 nhân viên).

Scanned by CamScanner

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Scanned by CamScanner

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Scanned by CamScanner

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị (*)	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

(*) Máy móc thiết bị áp dụng khấu hao nhanh bằng 2 lần khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Scanned by CamScanner

8. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp.

Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp

Dự phòng tái cơ cấu được ghi nhận khi Công ty đã thông qua kế hoạch chính thức được lập một cách chi tiết và kế hoạch tái cơ cấu đã bắt đầu triển khai hoặc đã được thông báo rộng rãi những vấn đề quan trọng đến những chủ thể bị ảnh hưởng của việc tái cơ cấu. Những khoản lỗ kinh doanh trong tương lai không được lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng

Scanned by CamScanner

hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Scanned by CamScanner

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	302.349.677	731.337.928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107.113.787.815	316.708.419.360
Các khoản tương đương tiền (*)	86.241.641.166	105.643.400.000
Cộng	**193.657.778.658**	**423.083.157.288**

(*) Trong đó tiền gửi bị cầm cố để bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín là 86.241.641.166 VND (số đầu năm là 65.643.400.000 VND).

Scanned by CamScanner

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***3.211.922.450***	***19.551.998.529***
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần		18.365.441.748
Cục Hậu cần - Quân khu 9		212.000.000
Cục Cứu hộ cứu nạn - Bộ Tổng Tham mưu	100.000.000	282.130.000
Cục Hậu cần - Quân khu 5	154.160.000	84.800.000
Xí nghiệp may, Cục Hậu cần - Quân khu 7		440.790.400
Công ty Cổ phần X20		166.836.381
Tổng Cục Kỹ Thuật	52.810.000	
Ban chỉ huy quân sự thị xã Sơn Tây	2.732.000	
Xưởng may 7 -5	132.494.640	
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28 - CN Hà Nội	2.287.745.810	
Công ty Thanh Hà	349.020.000	
Xí nghiệp may thương binh 27/7	132.960.000	
Phải thu các khách hàng khác	***21.395.420.340***	***15.709.647.502***
Bunning Group., LTD	3.656.376.507	5.442.055.827
Tòa án nhân dân tối cao	5.593.942.935	
Các khách hàng khác	12.145.100.898	10.267.591.675
Cộng	**24.607.342.790**	**35.261.646.031**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	***663.461.458***	***2.202.993.670***
Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội		424.993.670
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt		1.500.000.000
Richmarks International	539.799.958	
Các khách hàng khác	123.661.500	278.000.000
Cộng	**663.461.458**	**2.202.993.670**

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn			4.751.321.638	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	622.653.981		215.012.900	
Cộng	**622.653.981**		**4.966.334.538**	

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.260.183.376	3.256.596.668
Hoàn nhập dự phòng	(1.950.837.916)	(996.413.292)
Số cuối năm	**309.345.460**	**2.260.183.376**

Scanned by CamScanner

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	52.870.147.358		37.370.704.917	
Công cụ, dụng cụ	125.413.800		46.624.008	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.464.338.954		8.710.630.364	
Thành phẩm	87.432.064.019		62.592.490.782	
Hàng hóa	12.078.395.377		1.854.973.909	
Hàng gửi đi bán	7.175.828.829		69.746.548	
Cộng	**174.146.188.337**		**110.645.170.528**	

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	33.939.907.256	81.634.483.264	10.080.022.539	1.175.584.957	126.829.998.016
Mua trong năm	1.290.842.268	1.138.010.000			2.428.852.268
Tăng khác			260.400.000		260.400.000
Thanh lý		(14.680.133.731)			(14.680.133.731)
Số cuối năm	**35.230.749.524**	**68.092.359.533**	**10.340.422.539**	**1.175.584.957**	**114.839.116.553**
Trong đó: Đã khấu					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.730.453.597	50.470.421.250	4.296.837.938	1.175.584.957	66.673.297.742
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.852.395.836	68.381.132.039	6.356.172.556	1.102.251.617	100.691.952.048
Khấu hao trong năm	1.435.335.792	6.817.582.937	1.012.768.836	73.333.340	9.339.020.905
Thanh lý		(14.680.133.731)			(14.680.133.731)
Số cuối năm	**26.287.731.628**	**60.518.581.245**	**7.368.941.392**	**1.175.584.957**	**95.350.839.222**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.087.511.420	13.253.351.225	3.723.849.983	73.333.340	26.138.045.968
Số cuối năm	**8.943.017.896**	**7.573.778.288**	**2.971.481.147**		**19.488.277.331**
Trong đó: Tạm thời không sử dụng	13.949.266.035				13.949.266.035
Đang chờ thanh lý					

8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.948.156.200	1.948.156.200
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.948.156.200)	
Số cuối năm		**1.948.156.200**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Scanned by CamScanner

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***8.684.265.976***	***8.323.698.978***
Kho 205 - Cục Quân nhu	406.092.347	693.653.074
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28	8.278.173.629	7.630.045.904
Phải trả các nhà cung cấp khác	***95.710.908.188***	***67.089.574.813***
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh phụ liệu ngành may Hà Nội	4.209.003.207	7.302.003.889
Công ty TNHH Một thành viên Dệt may 7	8.499.638.835	9.905.958.299
Hợp tác xã Cường Thịnh	8.878.687.494	6.260.129.790
Các nhà cung cấp khác	74.123.578.652	43.621.482.835
Cộng	**104.395.174.164**	**75.413.273.791**

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	***9.874.333.469***	***780.000.000***
Cục Doanh trại - Tổng cục Hậu cần		780.000.000
Cục Quản lý xe máy	749.595.000	
Cục Hậu Cần - Tổng cục II	10.486.100	
Cục Hậu Cần - Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng	23.665.767	
Cục Hậu Cần Quân Khu 9	29.695.000	
Cục Dân Quân Tự Vệ	4.373.300.000	
Cục Quân Nhu	4.483.443.002	
Xí nghiệp may Cục Hậu Cần Quân Khu 7	204.148.600	
Trả trước của các khách hàng khác	***9.603.872.473***	***46.232.554.655***
Tổng cục Hậu cần - Bộ Công An		45.643.400.000
Công ty Cổ phần Vingo		462.533.855
Cục Hậu Cần – Bộ Tư lệnh Hải Quân	4.611.880.680	
Tổng cục Hải quan	3.015.000.000	
Các khách hàng khác	1.976.991.793	126.620.800
Cộng	**19.478.205.942**	**47.012.554.655**

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			4.316.456.739	(4.316.456.739)		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			586.636.303	(586.636.303)		
Thuế xuất, nhập khẩu			170.864.943	(170.864.943)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.791.474.364	3.510.880.570	(2.318.371.739)		598.965.533
Thuế thu nhập cá nhân			562.703.442	(502.887.459)	59.815.983	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			2.178.373.794	(2.178.373.794)		
Các loại thuế khác			7.000.000	(7.000.000)		
Cộng		**1.791.474.364**	**11.332.915.791**	**(10.080.590.977)**	**59.815.983**	**598.965.533**

Scanned by CamScanner

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Các hàng hóa và thành phẩm khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.576.307.592	27.098.274.862
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(5.613.763.436)	493.383.250
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.127.017.564	502.029.075
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.740.781.000)	(8.645.825)
Thu nhập chịu thuế	16.962.544.156	27.591.658.112
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	***3.392.508.831***	***5.518.331.622***
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	118.371.739	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**3.510.880.570**	**5.518.331.622**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***75.000.000.000***	***250.000.000.000***
Cục Tài chính Bộ Quốc phòng ứng trước chi phí sản xuất các sản phẩm quốc phòng	75.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***23.011.825.475***	***11.464.819.534***
Kinh phí công đoàn	495.460.368	348.659.568
Bảo hiểm xã hội	72.081.870	85.264.085
Bảo hiểm y tế		648.959
Tiền đền bù Ban quản lý dự án Tả Ngạn	6.977.282.313	6.977.282.313
Phải trả cổ tức của cổ đông khác	804.720.696	763.341.906

Scanned by CamScanner

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các quỹ phúc lợi thu hộ, nộp hộ công nhân viên	229.291.395	231.287.199
Chi phí nộp cấp trên	2.000.000.000	
Công ty HimLam - ứng tiền di dời nhà máy	5.000.000.000	
Khấu hao tài sản cố định tạm tính	6.347.950.000	
Các khoản phải nộp khác	1.085.038.833	767.763.554
Cộng	**98.011.825.475**	**259.174.247.584**

13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến tái cơ cấu doanh nghiệp do di dời địa điểm làm việc của Văn phòng, xí nghiệp thương mại dịch vụ và xí nghiệp 26.3. Việc di dời đã được thực hiện xong trong năm 2018. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.740.781.000	9.740.781.000
Tăng trong năm do trích lập		
Số hoàn nhập trong năm	(9.740.781.000)	
Số cuối năm		**9.740.781.000**

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.741.319.068	4.017.362.886
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.531.788.080	4.166.219.145
Tăng khác		420.000.000
Chi quỹ	(4.226.007.380)	(1.862.262.963)
Số cuối năm	**9.047.099.768**	**6.741.319.068**

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	52.120.649.483	31.629.406.869	133.750.056.352
Lợi nhuận trong năm trước			21.579.943.240	21.579.943.240
Trích lập các quỹ		9.135.997.482	(13.302.216.627)	(4.166.219.145)
Chia cổ tức, lợi nhuận			(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	**50.000.000.000**	**61.256.646.965**	**32.907.133.482**	**144.163.780.447**
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	61.256.646.965	32.907.133.482	144.163.780.447
Lợi nhuận trong năm			17.117.270.822	17.117.270.822
Trích lập các quỹ		8.048.155.160	(14.579.943.240)	(6.531.788.080)
Chia cổ tức, lợi nhuận			(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	**50.000.000.000**	**69.304.802.125**	**28.444.461.064**	**147.749.263.189**

Scanned by CamScanner

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

15c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 10 tháng 4 năm 2018 như sau:

		VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	7.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	8.048.155.160
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	6.531.788.080

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền gửi không kỳ hạn bao gồm 2.307.447,41 USD (số đầu năm là 1.750.050,29 USD).

Scanned by CamScanner

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	101.750.416.516	76.919.723.378
Doanh thu bán thành phẩm	512.117.242.745	503.153.965.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.361.855.588	2.869.724.547
Cộng	**616.229.514.849**	**582.943.413.630**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau :

	Năm nay	Năm trước
Cục Quân nhu	258.501.013.865	366.907.100.699
Cục Quản lý xe máy		961.190.909
Cục Hậu cần - Tổng cục II	915.383.055	893.780.235
Cục Vận tải	1.066.909.090	2.174.160.000
Cục Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật	178.690.909	187.418.182
Cục Hậu cần - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	203.947.582	22.168.418
Cục Hậu cần - Bộ tư lệnh Hóa học		170.104.464
Cục Dân quân tự vệ	38.773.181.817	8.325.790.909
Tổng cục Kỹ thuật	4.666.190.909	4.618.140.636
Cục Hậu cần Quân khu 9	120.872.727	
Cục Hậu cần Quân khu 5	197.963.636	
Xí nghiệp may Cục Hậu cần Quân khu 7	266.727.272	
Công ty Cổ phần X20	2.219.576.273	
Ban chỉ huy quân sự thị xã Sơn Tây	882.254.545	
Xưởng may 7 -5	256.707.855	
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28 - CN Hà Nội	4.217.266.043	
Công ty Thanh Hà	365.781.091	
Xí nghiệp may thương binh 27/7	255.781.818	

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	93.546.504.476	70.777.247.052
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	465.534.743.292	448.962.364.255
Cộng	**559.081.247.768**	**519.739.611.307**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.738.575.610	6.660.384.856
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	753.535.692	506.265.951
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.811.076	8.645.825
Cộng	**7.496.922.378**	**7.175.296.632**

Scanned by CamScanner

4. Chi phí tài chính

Là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.634.148.889	2.014.742.731
Chi phí vật liệu, bao bì	9.667.694.414	8.647.157.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.337.373.769	2.878.259.316
Chi phí bằng tiền khác	948.026.674	739.920.461
Cộng	**15.587.243.746**	**14.280.080.060**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.364.730.465	14.939.367.816
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.435.236.765	2.702.492.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.951.418.255	1.109.509.887
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí dự phòng	(1.950.837.916)	(996.413.292)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.285.376.890	3.136.993.170
Chi phí bằng tiền khác	9.842.555.976	8.150.420.486
Cộng	**26.935.480.435**	**29.049.370.848**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	441.905.454	90.909.091
Thu nhập khác	15.480.000	
Cộng	**457.385.454**	**90.909.091**

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.117.270.822	21.579.943.240
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.567.590.623)	(6.531.788.080)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	*(2.567.590.623)*	*(6.531.788.080)*
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.549.680.199	17.048.155.159
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**2.910**	**3.010**

Scanned by CamScanner

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 10 tháng 4 năm 2018. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.410 VND xuống còn 3.010 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín bị cầm cố để bảo đảm thực hiện các hợp đồng kinh tế là 86.241.641.166 VND (số đầu năm là 65.643.400.000 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, tiền thù lao, tiền thưởng	2.638.123.736	2.474.379.238

Scanned by CamScanner

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Cục Quân nhu	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Doanh trại	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Quản lý xe máy	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Hậu cần - Tổng cục II	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Vận tải	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Hậu cần - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Hậu cần - Bộ tư lệnh Hóa học	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Hậu cần - Quân khu I	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Hậu cần - Quân khu 5	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Hầu cần - Quân khu 9	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Xí nghiệp may, Cục Hậu cần - Quân khu 7	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Kỹ thuật - Quân khu 1	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Cứu hộ cứu nạn - Bộ Tổng Tham mưu	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Dân quân tự vệ	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Bộ Tham mưu - Tổng cục Hậu cần	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Tổng cục Kỹ thuật	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Cục Quân huấn - Bộ Tổng Tham mưu	Đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng
Các Công ty con của Bộ Quốc phòng	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.9, V.10 và V.12

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Hưng Hà	Hoàng Thị Thu Hường	Nguyễn Thị Xoa

Scanned by CamScanner